TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ SÊ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/DS-ST
Ngày: 06-11-2017
V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hoa.

2. Bà Đỗ Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thanh X; Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện C, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị Đ; Địa chỉ: 760 H, tổ dân phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Xuân P; Địa chỉ: 760 H, tổ dân phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Đặng Thị Thanh X trình bày như sau:

Do bà Vũ Thị Đ, ông Nguyễn Xuân P mở DNTN P để thu mua nông sản và có kho lưu trữ nên bà X đã nhiều lần bán và gửi cà phê tại kho của ông P, bà Đ. Ngày 06/6/2014, bà X gửi cho bà Đ, ông P số cà phê nhân quy chuẩn là 7.932kg (Bảy nghìn chín trăm ba mươi hai kilôgam). Hai bên thỏa thuận khi nào bà X có nhu cầu bán thì bà Đ, ông P sẽ mua cà phê nhân mà bà X đã gửi theo giá

thị trường tại thời điểm bán nhưng có trừ đi 200đ/kg do cà phê nhân đã cũ. Trong quá trình gửi cà phê, ngày 17/10/2014, bà X bán cho bà Đ, ông P 1.000kg, ngày 19/11/2014 bán cho bà Đ, ông P 1.000kg, ngày 08/02/2015 bán cho bà Đ, ông P 400kg, tổng cộng số cà phê bà X đã bán cho bà Đ, ông P là 2.400kg. Số cà phê đã bán này bà X đã nhận đủ tiền. Số cà phê nhân quy chuẩn còn lại là 5.532kg bà X đã nhiều lần yêu cầu bà Đ, ông P trả lại, nhưng cho đến nay bà Đ, ông P vẫn chưa trả.

Tại phiên tòa hôm nay, bà X yêu cầu bà Vũ Thị Đ và ông Nguyễn Xuân P có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà X 5.532kg cà phê nhân quy chuẩn với giá là 39.800đ/kg (sau khi đã trừ 200 đồng/kg); quy thành tiền là 220.173.600 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là bà Vũ Thị Đ không có yêu cầu phản tố và trình bày như sau:

Bà Đ đồng ý với nội dung khởi kiện của bà Đặng Thị Thanh X. Năm 2013, tôi và chồng là ông Nguyễn Xuân P cùng thành lập DNTN P Chư Sê, ngành nghề kinh doanh chính là mua bán hàng nông sản theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 5900975015, đăng ký lần đầu ngày 16/12/2013 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai, tôi là người đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng công việc làm ăn, mua bán hàng ngày đều do hai vợ chồng tôi cùng nhau thực hiện.

Ngày 06/6/2014, bà X có gửi cho DNTN P Chư Sê của bà Đ và ông P số cà phê nhân quy chuẩn là 7.932kg (Bảy nghìn chín trăm ba mươi hai kilôgam), việc giao dịch này có anh Nguyễn Văn Thìn là con riêng của ông P làm chứng. Hai bên thỏa thuận khi nào bà X có nhu cầu bán cà phê thì chúng tôi sẽ mua cà phê nhân mà bà X đã gửi theo giá thị trường tại thời điểm bán nhưng có trừ đi 200đ/kg do cà phê nhân đã cũ. Trong quá trình gửi, ngày 17/10/2014 bà X bán cho chúng tôi 1.000kg, ngày 19/11/2014 bà X bán 1.000kg, ngày 08/02/2015 bà X bán 400kg, tổng cộng số cà phê nhân quy chuẩn bà X đã bán cho chúng tôi là 2.400kg và chúng tôi đã trả đủ tiền cho bà X. Số cà phê nhân quy chuẩn còn lại là 5.532kg, mặc dù bà X đã nhiều lần yêu cầu chúng tôi trả lại cho bà nhưng do công việc làm ăn của doanh nghiệp thua lỗ, khó khăn, nợ nhiều người nên cho đến nay chúng tôi vẫn chưa trả lại cho bà X số cà phê trên.

Nay bà X khởi kiện, bà Đ đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà X. Bà Đ đề nghị Tòa án buộc ông P có nghĩa vụ cùng bà Đ liên đới trả cho bà X số cà phê nhân quy chuẩn là 5.532kg với giá là 39.800đ/kg (sau khi đã trừ 200 đồng/kg), quy thành tiền là 220.173.600 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Xuân P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông P không đến Tòa án để tham gia tố tụng và không có lời khai cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là bà Đặng Thị Thanh X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là bà Vũ Thị Đ giữ nguyên những ý kiến đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Xuân P vắng mặt không có lý do. Các đương sự có mặt tại phiên tòa đồng ý sử dụng kết quả xác minh giá cà phê nhân quy chuẩn là 40.000đồng/kg, theo Biên bản xác minh ngày 06/11/2017 (ngày xét xử vụ án theo thủ tục sơ thẩm) của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê tại Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Chư Sê để làm căn cứ xác định giá cà phê.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa về cơ bản đã đảm bảo đúng và đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là bà Vũ Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Xuân P phải liên đới trả cho bà Đặng Thị Thanh X 5.532kg cà phê nhân quy chuẩn với giá là 39.800đ/kg (sau khi đã trừ 200 đồng/kg), quy thành tiền là 220.173.600 đồng. Buộc bà Đ, ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và hoàn trả cho bà X toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Xuân P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và yêu cầu của các đương sự:

Nguyên đơn là bà Đặng Thị Thanh X khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Vũ Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Xuân P phải hoàn trả số cà phê nhân quy chuẩn là 5.532kg mà bà X đã gửi cho bà Đ, ông P vào ngày 06/6/2014, với giá là 39.800đ/kg (sau khi đã trừ 200 đồng/kg), quy thành tiền là 220.173.600 đồng. Kèm theo đơn khởi kiện bà X đã cung cấp, giao nộp cho Tòa án chứng cứ là *"Biên nhận đề ngày 06/6/2014"* có chữ ký của người làm chứng là anh Nguyễn Văn Thìn. Nội dung của giấy biên nhận này thể hiện ngày 06/6/2014 bà X gửi cho bà Đ, ông P số cà phê nhân quy chuẩn là 7.932kg và trong quá trình gửi cà phê, bà X đã nhiều lần bán cà phê cho bà Đ, Phước, cụ thể: Ngày 17/10/2014 bán 1.000kg, ngày 19/11/2014 bán 1.000kg, ngày 08/02/2015 bán 400kg; tổng cộng số cà phê nhân quy chuẩn bà X đã bán

cho bà Đ, ông P là 2.400kg và bán Xuân đã nhận đủ tiền thanh toán từ bà Đ, ông P. Số cà phê nhân quy chuẩn còn lại là 5.532kg hiện nay bà Đ, ông P chưa trả lại cho bà X. Để chứng minh việc ông P công nhận số nợ 5.532kg cà phê nhân quy chuẩn, bà X đã cung cấp cho Tòa án *"Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 26/10/2015 về việc ly hôn và chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân"*, người khởi kiện là ông Nguyễn Xuân P, người bị kiện là bà Vũ Thị Đ. Tại đơn khởi kiện này ông P thừa nhận và yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của ông và bà Đ bao gồm khoản nợ 5.532kg cà phê nhân quy chuẩn của bà X.

Bị đơn bà Vũ Thị Đ đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thanh X và đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Xuân P phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Đ trả cho bà X 5.532kg cà phê nhân quy chuẩn, với giá là 39.800đ/kg (sau khi đã trừ 200 đồng/kg), quy thành tiền là 220.173.600 đồng. Vì đây là nợ chung của ông, bà phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, bà Đ đã cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 5900975015, đăng ký lần đầu ngày 16/12/2013 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai, tên doanh nghiệp là DNTN P Chư Sê; theo lời khai của bà Đ thì mặc dù bà là người đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng DNTN P Chư Sê được thành lập trong thời kỳ hôn nhân của bà và ông P; trong quá trình kinh doanh, ông P là người trực tiếp cân đo, kiểm tra quy cách, phẩm chất hàng hóa, nhập hàng vào kho và trả tiền cho người dân; mặt khác nguồn lợi nhuận từ việc kinh doanh của doanh nghiệp được bà Đ, ông P sử dụng để trả tiền vay của ngân hàng, chi tiêu trong gia đình và tái đầu tư công việc kinh doanh.

Đối với ông Nguyễn Xuân P, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông P đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, được thông báo, triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, được nhận các biên bản về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được thể hiện nội dung khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến trình bày của bị đơn nhưng ông P đều không đến Tòa án. Điều này thể hiện ông P không có thiện chí tự nguyện thỏa thuận giải quyết các vấn đề có tranh chấp với bà X, bà Đ và từ bỏ các quyền, lợi ích của bản thân với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng trong vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà X là buộc bị đơn bà Đ và ông P phải có nghĩa vụ liên đới trả 5.532kg cà phê nhân quy chuẩn, quy thành tiền là 220.173.600 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà Đ và ông P, do đó có căn cứ để xác định đây là nợ chung của ông bà. Căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì bà Đ và ông P có nghĩa vụ liên đới đối với nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, do đó cần buộc bà Đ và ông P phải liên đới trả cho bà X số cà phê nợ như trên, theo yêu cầu khởi kiện của bà X.

Xét về giá cà phê nhân quy chuẩn là 40.000đồng/kg, theo Biên bản xác minh ngày 06/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê tại Phòng Tài chính -

Kế hoạch huyện Chư Sê. Hội đồng xét xử làm căn cứ xác định giá cà phê để quy thành tiền theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận khi giao nhận cà phê, chất lượng cà phê không đảm bảo yêu cầu nên khi bán sẽ trừ đi 200đồng/kg và bị đơn đồng ý quy giá trị của 5.532kg cà phê nhân quy chuẩn thành tiền để trả cho nguyên đơn, theo yêu cầu của nguyên đơn.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Đ, ông P còn giữ, chưa trả của bà X 5.532kg cà phê nhân quy chuẩn là có thật. Nay bà X khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông P phải hoàn trả cho bà X 5.532kg cà phê nhân quy chuẩn, với giá là 39.800đ/kg (sau khi đã trừ 200 đồng/kg), quy thành tiền là 220.173.600 đồng, là có căn cứ và nên được chấp nhận.

[3] Về tiền công gửi giữ: Các đương sự đều không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý trong vụ án này.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đặng Thị Thanh X được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là bà Vũ Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Xuân P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Đặng Thị Thanh X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 302, Điều 468, Điều 559, Điều 561, Điều 562 và Điều 564 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đặng Thị Thanh X.

2. Buộc bị đơn là bà Vũ Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Xuân P có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn là bà Đặng Thị Thanh X số tiền là 220.173.600 đồng (Hai trăm hai mươi triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn là bà Vũ Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Xuân P phải chịu 11.008.680 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Nguyên đơn là bà Đặng Thị Thanh X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà X toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 5.975.000đ (Năm triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001450 ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tiến Sỹ